Sieu Ly Hoc - Giac Chanh - 02

Vi Diệu Pháp — Siêu Lý Học (Giác Chánh)

Sieu Ly Hoc - Giac Chanh - 02

Trang gốc

Trang web BuddhaSasana

VU Times font

Siêu Lý Học

Tỳ kheo Giác Chánh

Lưu ý: Đọc với phông chữ VU Times (Viet-Pali Unicode)

[02]

3- TÂM (CITTA)

I. Định nghĩa: Citta hay Tâm là sự biết cảnh, nhận thức được đối tượng (biết cảnh gọi là Tâm, bị tâm biết gọi là cảnh).

Tâm, bản thể chỉ có một là sự biết nhưng phân ra nhiều loại là vì căn cứ vào căn và cảnh mà đặt tên riêng cho Tâm. Thí dụ: Như lửa, bản chất chỉ có 1 là "vật nóng" nhưng vì tùy theo nhiên liệu mà kêu nên lửa có nhiều thứ như lửa rơm, lửa củi, lửa dầu, lửa xăng v.v...

II. Phân tích chi pháp: Tâm phân ra có 6 loại:

1- Tâm nhãn thức là cái biết nương nơi nhãn vật (căn) biết được cảnh sắc.

2- Tâm nhĩ thức là cái biết nương nơi nhĩ vật, biết được cảnh thinh.

3- Tâm tỷ thức là cái biết nương nơi tỷ vật, biết được cảnh khí.

4- Tâm thiệt thức là cái biết nương nơi thiệt vật, biết được cảnh vị.

5- Tâm thân thức là cái biết nương nơi thân vật, biết được cảnh xúc.

4. TÂM NHÃN THỨC (Cakkhuviññāṇaṃ)

I. Định nghĩa: Nhãn thức là cái biết của mắt chỉ nhận thức cảnh sắc.

II. Phân tích chi pháp: nhãn thức có hai thứ:

1- Nhãn thức quả bất thiện (mắt thấy như cảnh xấu, điêu tàn, nhơ nhớp v.v...) .

2- Nhãn thức quả thiện (mắt thấy cảnh vật tươi tốt, theo Vi Diệu Pháp thì mọi tâm thức không phải sẳn có mà do nhân duyên kết hợp đầy đủ thì tâm thức mới sanh khởi).

- Có 4 nguyên nhân sanh nhãn thức:

1- Nhãn vật;

2- Cảnh Sắc

3- Ánh sáng;

4- Sự chú ý.

III. Đối chiếu: Tâm nhãn thức đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: có 7 Sở hữu biến hành phối hợp.

2) 3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

3) 4 Giống: Thuộc giống quả.

4) 12 Người: Sanh khởi với 8 người (4 phàm và 4 quả).

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 26 cõi (trừ 4 Vô Sắc và Vô Tưởng).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật.

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ tâm nhãn môn.

8) 5 Thọ: Chỉ có thọ xả.

9) 6 Nhân: Không có.

10) 14 Sự: Làm sự thấy.

11) 6 Môn: Nương nhãn môn.

12) 21 Cảnh: Biết được 8 cảnh (Cảnh sắc, Cảnh Sắc pháp, Cảnh Dục giới, Cảnh Chơn đế, Cảnh Hiện tại, Cảnh Nội phần, Cảnh Ngoại phần, Cảnh Nội và Cảnh Ngoại phần).

13) 6 Vật: Nương nhãn vật.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Nhãn thức giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

5. TÂM NHĨ THỨC (Sotaviññāṇaṃ)

I. Định nghĩa: Nhĩ thức là sự biết nương nơi nhĩ vật, nhận thức cảnh thinh.

II. Phân tích chi pháp: nhĩ thức có hai thứ:

1- Nhĩ thức quả bất thiện (tai nghe tiếng xấu như những âm thanh rùng rợn hoặc những lời nguyền rủa v.v...).

2- Nhĩ thức quả thiện vô nhân (tai nghe tiếng tốt, như những âm thanh êm dịu hoặc những lời tán thán v.v...).

- Có 4 nguyên nhân sanh nhĩ thức:

1- Nhĩ vật.

2- Cảnh thinh.

3- Có khoảng trống.

4- Có sự chú ý.

III. Đối chiếu: Tâm nhĩ thức đối với:

52 Sở hữu Tâm: Có 7 Sở hữu biến hành phối hợp.

3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

4 Giống: Thuộc giống quả.

12 Người: Sanh khởi với 8 người (4 phàm và 4 quả).

31 Cõi: Sanh khởi trong 26 cõi (trừ 4 Vô Sắc và Vô Tưởng).

3 Thời: Sanh thời bình nhật.

Lộ tâm: Diễn tiến lộ tâm nhĩ môn.

5 Thọ: Thọ xả.

6 Nhân: Không có.

14 Sự: Làm sự nghe.

6 Môn: Nương nhĩ môn.

21 Cảnh: Biết được 8 cảnh (Cảnh thinh, Cảnh Sắc pháp, Cảnh Dục giới, Cảnh Chơn đế, Cảnh Hiện tại, Cảnh Nội phần, Cảnh Ngoại phần, Cảnh Nội và Cảnh Ngoại phần).

6 Vật: Nương nhĩ vật.

5 Uẩn: Thức uẩn.

12 Xứ: Ý xứ.

18 Giới: Nhĩ thức giới.

4 Đế: Khổ đế.

6. TÂM TỶ THỨC (Ghānaviññāṇaṃ)

I. Định nghĩa: Tâm Tỷ thức là sự biết nương từ tỷ vật, nhận thức cảnh khí.

II. Phân tích chi pháp: tỷ thức có hai thứ:

1- Tỷ thức quả bất thiện (mũi ngửi mùi tanh hôi khó chịu).

2- Tỷ thức quả thiện vô nhân (mũi ngửi mùi thơm).

- Có 4 nguyên nhân sanh Tỷ thức:

1- Tỷ vật.

2- Cảnh khí.

3- Gió.

4- Sự chú ý.

III. Đối chiếu: Tâm Tỷ thức đối với:

52 Sở hữu Tâm: Có 7 Sở hữu biến hành phối hợp.

3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

4 Giống: Thuộc giống quả.

12 Người: Sanh khởi với 8 người (4 phàm và 4 quả).

31 Cõi: Sanh khởi trong 11 cõi dục giới.

3 Thời: Sanh thời bình nhật.

Lộ tâm: Diễn tiến lộ tâm tỷ môn.

5 Thọ: Thọ xả.

6 Nhân: Không có.

14 Sự: Làm sự ngưởi.

6 Môn: Nương tỷ môn.

21 Cảnh: Biết được 8 cảnh (Cảnh Khí, Cảnh Sắc pháp, Cảnh Dục giới, Cảnh Chơn đế, Cảnh Hiện tại, Cảnh Nội phần, Cảnh Ngoại phần, Cảnh Nội và Cảnh Ngoại phần).

6 Vật: Nương tỷ vật.

5 Uẩn: Thức uẩn.

12 Xứ: Ý xứ .

8 Giới: Tỷ thức giới.

4 Đế: Khổ đế.

7. TÂM THIỆT THỨC (Jivhāviññāṇaṃ)

I. Định nghĩa: Tâm Thiệt thức là sự biết nương từ thiệt vật, nhận thức cảnh vị.

II. Phân tích chi pháp: thiệt thức có hai thứ:

1- Thiệt thức quả bất thiện (lưỡi nếm vị cay đắng v.v...).

2- Thiệt thức quả thiện vô nhân (lưỡi nếm vị ngon ngọt).

- Có 4 nguyên nhân sanh thiệt thức:

1- Thần kinh thiệt.

2- Cảnh vị.

3- Nước.

4- Sự chú ý.

III. Đối chiếu: Tâm Thiệt thức đối với:

52 Sở hữu Tâm: Có 7 Sở hữu biến hành phối hợp.

3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

4 Giống: Thuộc giống quả.

12 Người: Sanh khởi với 8 người (4 phàm và 4 quả).

31 Cõi: Sanh khởi trong 11 cõi dục giới.

3 Thời: Sanh thời bình nhật.

Lộ tâm: Diễn tiến lộ tâm thiệt môn.

5 Thọ: Thọ xả.

6 Nhân: Không có.

14 Sự: Làm sự nếm.

6 Môn: Nương thiệt môn.

21 Cảnh: Biết được 8 cảnh (Cảnh Vị, Cảnh Sắc pháp, Cảnh Dục giới, Cảnh Chơn đế, Cảnh Hiện tại, Cảnh Nội phần, Cảnh Ngoại phần, Cảnh Nội và Cảnh Ngoại phần).

6 Vật: Nương thiệt vật

5 Uẩn: Thức uẩn

12 Xứ: Ý xứ

18 Giới: Thiệt thức giới

4 Đế: Khổ đế

8. TÂM THÂN THỨC (Kāyaviññāṇaṃ)

I. Định nghĩa: Tâm Thân thức tức là sự biết nương nơi thân vật, nhận thức cảnh xúc.

II. Phân tích chi pháp: Tâm thân thức có hai thứ:

1- Thân thức quả bất thiện vô nhân thọ khổ (thân đau đớn).

2- Thân thức quả thiện vô nhân thọ lạc (thân sung sướng).

- Có 4 nguyên nhân sanh thân thức:

1- Thần kinh thân.

2- Cảnh xúc.

3- Cứng, mềm, nóng, lạnh, di động, căn phồng ra.

4- Sự chú ý.

III. Đối chiếu: Tâm Thân thức đối với:

52 Sở hữu Tâm: Có 7 Sở hữu biến hành phối hợp.

3 Tánh: Thuộc tánh vô ký

4 Giống: Thuộc giống quả

12 Người: Sanh khởi với 8 người (4 phàm và 4 quả)

31 Cõi: Sanh khởi trong 11 cõi dục giới

3 Thời: Sanh thời bình nhật

Lộ tâm: Diễn tiến lộ tâm thân môn

5 Thọ: Thọ khổ, thọ lạc

6 Nhân: Không có

14 Sự: Làm sự cảm xúc (va chạm)

6 Môn: Nương thân môn

21 Cảnh: Biết được 8 cảnh (Cảnh Xúc(Đất, Lửa, Gió) Cảnh Sắc pháp, Cảnh Dục giới, Cảnh Chơn đế, Cảnh Hiện tại, Cảnh Nội phần, Cảnh Ngoại phần, Cảnh Nội và Cảnh Ngoại phần).

6 Vật: Nương thân vật

5 Uẩn: Thức uẩn

2 Xứ: Ý xứ

18 Giới: Thân thức giới

4 Đế: Khổ đế.

9. TÂM Ý THỨC (Manoviññāṇaṃ)

I. Định nghĩa: Tâm Ý thức là sự biết của ý, nhận thức được mọi đối tượng. Đối với chúng sanh ở cõi Dục giới và Sắc giới thì ý thức phải nương ý vật: (Sắc nghiệp nương trong trái tim) nhưng ở cõi Vô Sắc Giới thì ý thức tự khởi lên không cần nương ý vật.

II. Phân tích chi pháp: Ý thức có đến 111 thứ tâm: 8 tâm tham, 2 Tâm Sân, 2 Tâm si, 2 Tâm tiếp thâu, 3 Tâm quan sát, 1 Tâm khai ngũ môn, 1 Tâm khai ý môn, 1 Tâm vi tiếu, 8 Thiện dục giới, 8 Quả dục giới hữu nhân, 8 Duy tác dục giới, 5 Thiện sắc giới, 5 Quả sắc giới, 5 Duy tác sắc giới, 4 Thiện vô sắc giới, 4 Quả vô sắc giới, 4 Duy tác vô sắc giới, 5 tâm sơ đạo, 5 Tâm nhị đạo, 5 Tâm Tam đạo, 5 Tâm Tứ đạo, 5 Tâm Sơ quả, 5 Tâm Nhị quả, 5 Tâm Tam quả, 5 Tâm Tứ quả.

- Có 14 nguyên nhân sanh ý thức:

1- Nhớ lại 6 cảnh đã từng gặp.

2- 6 cảnh hiện tại giống cảnh quá khứ.

3- Do sự gặp, đọc, nghe, thấy v.v...

4- 6 cảnh hiện tại trùng hợp với cảnh học, đọc, nghe, thấy.

5- Tin theo lời nói của kẻ khác.

6- Có những sự vật ứ thích.

7- Hồi tưởng nhân quả của lời nói và việc làm.

8- Suy tư về giáo lý cao siêu.

9- Do mãnh lực của nghiệp.

10- Do năng lực thần thông của người khác chuyển tâm.

11- Do bộ phận trong thân thể thay đổi (Viparīta).

12- Do sự sai khiến của các thiên nhân.

13- Do tri kiến chính chắn về lý Tứ Đế qua trí văn, trí tư hay trí tu.

14- Do Thánh trí tác động.

10. TÂM THAM (Lobhamūlacitta)

1- Tâm Tham Thọ Hỷ hợp Tà Vô trợ.

2- Tâm Tham Thọ Hỷ hợp Tà Hữu trợ.

3- Tâm Tham Thọ Hỷ ly Tà Vô trợ.

4- Tâm Tham Thọ Hỷ ly Tà Hữu trợ.

5- Tâm Tham Thọ xả hợp tà Vô trợ

6- Tâm Tham Thọ xả hợp tà Hữu trợ

7- Tâm Tham Thọ xả ly tà Vô trợ

8- Tâm Tham Thọ xả ly tà Hữu trợ

Lời chú: Thọ Hỷ là cảm giác vui mừng, Thọ xả là cảm giác vô tư (không vui không buồn). Tà là sự suy nghĩ sai lầm không đúng với sự thật; Hợp tà là tương ưng với kiến chấp sai lầm, trái lại là ly tà. Trợ là cách đốc xúi, nhắc bảo khuyến khích; Tâm khởi lên do suy tư nhiều lần hay có sự đốc xúi là hữu trợ trái lại là vô trợ.

III. Đối chiếu: Tâm Tham đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: Có 22 Sở hữu phối hợp (13 sở hữu tợ tha, 4 si phần, 3 Tham phần, 2 Hôn phần) (những tâm tham hợp tà trừ ra ngã mạn, những tâm ly tà thì trừ ra tà kiến, những tâm tham vô trợ trừ 2 hôn phần).

2) 3 Tánh: Thuộc tánh bất thiện

3) 4 Giống: Thuộc giống bất thiện

4) 12 Người: Sanh khởi với 7 người (trừ 4 đạo và Tứ quả)

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 30 cõi (trừ cõi vô tưởng).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ý môn và ngũ môn.

8) 5 Thọ: Thọ hỷ và thọ xả

9) 6 Nhân: Có 2 nhân (Tham và Si)

10) 14 Sự: Làm sự đổng tốc

11) 6 Môn: Nương đủ 6 môn

12) 21 Cảnh: Biết được 20 cảnh (trừ Níp-Bàn).

13) 6 Vật: Nương ý vật

14) 5 Uẩn: Thức uẩn

15) 12 Xứ: Ý xứ

16) 18 Giới: Ý thức giới

17) 4 Đế: Khổ đế.

11. TÂM SÂN (Dosamūlacitta)

I. Định nghĩa: Tâm Sân là lòng bất bình, phẩn nộ, muốn hủy diệt đối tượng.

II. Phân tích chi pháp: Tâm sân có 2 thứ:

1- Tâm sân hợp phấn Vô trợ

2- Tâm sân hợp phấn Hữu trợ

III. Đối chiếu: Tâm sân đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: Có 22 Sở hữu phối hợp (trừ hỷ, tham phần và hoài nghi)

2) 3 Tánh: Thuộc tánh bất thiện

3) 4 Giống: Thuộc giống bất thiện

4) 12 Người: Sanh khởi với 6 người (trừ 4 đạo, Tam quả và Tứ quả)

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 11 cõi dục giới(4 cỏi khổ và 7 cỏi vui dục giới).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ý môn và ngũ môn.

8) 5 Thọ: Thọ ưu

9) 6 Nhân: Có 2 nhân (Sân và Si)

10) 14 Sự: Làm sự đổng tốc

11) 6 Môn: Nương đủ 6 môn

12) 21 Cảnh: Biết được 20 cảnh (trừ Níp-Bàn).

13) 6 Vật: Nương ý vật

14) 5 Uẩn: Thức uẩn

15) 12 Xứ: Ý xứ

16) 18 Giới: Ý thức giới

17) 4 Đế: Khổ đế.

12. TÂM SI (Mohamūlacitta)

I. Định nghĩa: Tâm là loại tâm đen tối không sáng suốt.

II. Phân tích chi pháp: Tâm si có 2 thứ:

1- Tâm si hoài nghi.

2- Tâm si phóng dật.

Lời chú: Tâm si hoài nghi là tâm phân vân, lưỡng lự, không tin Tam Bảo, không tin Nghiệp và Quả của Nghiệp. Thí dụ: như người lạc đường đối với con đường có 3 ngã rẻ.

Tâm phóng dật là tâm giao động không thể đình trụ trong một đề mục bền lâu.

III. Đối chiếu: Tâm si đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm:

A) Tâm si hoài nghi có 15 Sở hữu phối hợp: 10 sở hữu tợ tha (trừ thắng giải, hỷ, dục) 4 si phần, 1 si hoài nghi.

B) Tâm si phóng dật có 15 sở hữu; 11 sở hữu tợ tha (trừ hỷ, dục) và 4 si phần.

2) 3 Tánh: Thuộc tánh bất thiện.

3) 4 Giống: Thuộc giống bất thiện .

4) 12 Người:

A) Si hoài nghi: sanh khởi với 4 phàm (trừ 4 Đạo và 4 Quả).

B) Si phóng dật: sanh khởi với 4 phàm và 3 Quả hữu học (trừ 4 Đạo và Tứ Quả).

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 30 cõi (trừ vô tưởng).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật.

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ý môn và ngũ môn.

8) 5 Thọ: Thọ xả.

9) 6 Nhân: Có nhân Si.

10) 14 Sự: Làm sự đổng tốc.

11) 6 Môn: Nương đủ 6 môn.

12) 21 Cảnh: Biết được 20 cảnh (trừ Níp-Bàn luôn Đạo Quả).

13) 6 Vật: Nương ý vật.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Ý thức giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

13. TÂM TIẾP THÂU (Sampaṭicchanacitta)

I. Định nghĩa: Tâm Tiếp Thâu là trạng thái tâm lãnh nạp đối tượng bên ngoài. Như tiếp thâu cảnh sắc do nhãn thức nhận biết, tiếp thâu cảnh thinh do nhĩ thức nhận biết, tiếp thâu cảnh khí do tỷ thức nhận biết, tiếp thâu cảnh vị do thiệt thức nhận biết.

II. Phân tích chi pháp: Tâm tiếp thâu có 2 thứ:

1- Tâm tiếp thâu quả bất thiện vô nhân

2- Tâm tiếp thâu quả thiện vô nhân

III. Đối chiếu: Tâm tiếp thâu đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: 10 Sở hữu tợ tha phối hợp (trừ cần,hỷ, dục).

2) 3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

3) 4 Giống: Thuộc giống quả.

4) 12 Người: Sanh khởi với 8 người: (4 phàm, 4 quả).

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 26 cõi ngũ uẩn (trừ vô sắc và vô tưởng).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật.

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ngũ môn.

8) 5 Thọ: Thọ xả.

9) 6 Nhân: Vô nhân.

10) 14 Sự: Làm sự tiếp thâu.

11) 6 Môn: Nương 5 môn (trừ ý môn).

12) 21 Cảnh: Biết được 13 cảnh: Sắc, Thinh, Khí,Vị, Xúc, Cảnh ngũ, Sắc pháp, Chơn đế, Dục giới, Hiện tại, Nội phần, Ngoại phần, Nội và Ngoại phần.

13) 6 Vật: Nương ý vật.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Ý thức giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

14. TÂM QUAN SÁT (Santirāṇacitta)

I. Định nghĩa: Tâm quan sát là trạng thái tâm xem xét tìm hiểu đối tượng bên ngoài đối với cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc không tốt đẹp thì tâm quan sát quả bất thiện là việc điều tra các đối tượng nầy nếu cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc tốt thường thì tâm quan

sát quả thiện về nhân thọ xả tìm hiểu các đối tượng nầy và nếu cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc rất tốt thì tâm quan sát quả thiện vô nhân thọ hỷ làm việc tìm hiểu các đối tượng nầy.

II. Phân tích chi pháp: Tâm quan sát có 3 thứ:

1- Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân.

2- Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân.

3- Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân.

III. Đối chiếu: Tâm quan sát thọ xả đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm:

A) Tâm quan sát thọ xả: có 10 sở hữu tợ tha phối hợp (trừ cần, hỷ, dục).

B) Tâm quan sát thọ hỷ: có 11 sở hữu tợ tha phối hợp (trừ cần, dục).

2) 3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

3) 4 Giống: Thuộc giống quả.

4) 12 Người: Sanh khởi vớiû 8 người (trừ 4 đạo).

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 26 cỏi (trừ vô sắc và vô tưởng).

6) 3 Thời: quan sát thọ xả đủ 3 thời; quan sát thọ hỷ chỉ có thời bình nhật .

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ý môn và ngũ môn.

8) 5 Thọ: Thọ hỷ và thọ xả.

9) 6 Nhân: Vô nhân.

10) 14 Sự: Quan sát thọ xả làm 5 sự: (Tục sinh, Hộ kiếp, Tử, Quan sát, thập di); Quan sát thọ hỷ làm 2 sự: (Thập di và Quan sát).

11) 6 Môn: Nương đủ 6 môn.

12) 21 Cảnh: Biết được 17 cảnh (trừ 4 cảnh: Chế định, Đáo đại, Níp-Bàn và cảnh Ngoại thời).

13) 6 Vật: Nương ý vật.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Ý thức giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

15. TÂM KHAI NGŨ MÔN (Pañcadvārāvajjanacitta)

I. Định nghĩa: Khai ngũ môn là trạng thái tâm hướng đến cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc.

III. Đối chiếu: Tâm khai ngũ môn đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: Có 10 sở hữu tợ tha (trừ cần, hỷ, dục).

2) 3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

3) 4 Giống: Thuộc giống duy tác.

4) 12 Người: Sanh khởi với 8 người (trừ 4 đạo).

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 26 cỏi (trừ vô sắc và vô tưởng).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật.

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ngũ môn.

8) 5 Thọ: Thọ xả.

9) 6 Nhân: Vô nhân.

10) 14 Sự:Làm sự khai môn.

11) 6 Môn: Nương 5 môn (trừ ý môn).

12) 21 Cảnh: Biết được 13 cảnh: Sắc, Thinh, Khí,Vị, Xúc, Cảnh ngũ, Sắc pháp, Chơn đế, Dục giới, Hiện tại, Nội phần, Ngoại phần, Nội và Ngoại phần.

13) 6 Vật: Nương ý vật.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Ý thức giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

16. TÂM KHAI Ý MÔN (Manodvārāvajjanacitta)

I. Định nghĩa: Tâm Khai ý môn là trạng thái tâm hướng đến cảnh Pháp và xác định Cảnh Ngũ.

II. Đối chiếu: Tâm khai ý môn đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: Có 11 sở hữu tợ tha (trừ hỷ, dục).

2) 3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

3) 4 Giống: Thuộc giống duy tác.

4) 12 Người: Sanh khởi vớiû 8 người (trừ 4 đạo).

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 30 cỏi hữu tâm (trừ cõi vô tưởng).

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật.

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ngũ môn và lộ ý.

8) 5 Thọ: Thọ xả.

9) 6 Nhân: Vô nhân.

10) 14 Sự: Khai môn và phân đoán.

11) 6 Môn: Nương đủ 6 môn.

12) 21 Cảnh: Biết 21 cảnh.

13) 6 Vật: Nương ý vật hoặc không.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Ý giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

17. TÂM VI TIẾU (Hasituppāda)

I. Định nghĩa: Tâm vi tiếu là trạng thái tâm làm việc cười của vị A-La-Hán (Thinh văn).

II. Đối chiếu: Tâm vi tiếu đối với:

1) 52 Sở hữu Tâm: Có 12 sở hữu tợ tha phối hợp (trừ dục).

2) 3 Tánh: Thuộc tánh vô ký.

3) 4 Giống: Thuộc giống duy tác.

4) 12 Người: Người Tứ quả.

5) 31 Cõi: Sanh khởi trong 22 cõi vui ngũ uẩn.

6) 3 Thời: Sanh thời bình nhật.

7) Lộ tâm: Diễn tiến lộ ngũ và lộ ý.

8) 5 Thọ: Thọ hỷ.

9) 6 Nhân: Vô nhân.

10) 14 Sự: Làm sự đổng tốc.

11) 6 Môn: Nương đủ 6 môn.

12) 21 Cảnh: Biết 17 cảnh (trừ Tục đế, Đáo Đại, Níp-Bàn, ngoại thời).

13) 6 Vật: Nương ý vật.

14) 5 Uẩn: Thức uẩn.

15) 12 Xứ: Ý xứ.

16) 18 Giới: Ý thức giới.

17) 4 Đế: Khổ đế.

18. TÂM THIỆN DỤC GIỚI (Kusala kāmāvacara citta)

I. Định nghĩa: Tâm Thiện dục giới là nhân lành sanh làm người làm Trời cõi dục, Tâm thiện dục giới còn được gọi là Tâm Đại Thiện, vì biết được nhiều cảnh, sanh đước nhiều cõi, dị thục rất nhiều quả.

II. Phân tích chi pháp: Tâm thiện dục giới có tám thứ:

1- Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

2 -Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ.

3 - Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.

4 - Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ.

5 - Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ.

6- Tâw,?$J*rD OL \ja};c-j8X PSWu^XAPTK[V>cEX]5Ac2.|Ű̈vB%]C DUvq{C[J_Ƙ-Eo&t1 ©pE! 0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b &ϑ e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI =v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0 H.Fhp&$i`ɕe% XU m~ KN#{IΨ %h9pQd l$q'M_^.z~r CũM ;a%%(_&-g4Q'YB*54]qC5]0|)+ endqtraa endobj 1=2 0 obj

endobj 154 0 obj stream x\K;9NK~ -@ KNyɒ d/y[R~ > pk + `m)o _2 sS`; V:L^@@DY|~n2\PC _[$m F;f%@OpJLTF|{>^ <>?xzo%W$.> V{hX Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi H;(vd$*W{8 '8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḩi$X 81w {;xBr$ I"KL4w ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@ Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ỽ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s- DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWӈ#DbOvL!NCLe pk)n1$-h)O)=5*!4 WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV'uSA sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j G>86gFɥ(#(JFSU8-I~YȍRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivƀ>
".
B;lΘs8#nErGNq~4/ Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FẊC9 BQ# |*TZIzbD"Icuq`pwpe`; Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UABɐCSN:82R*[(]Ƀ!W"0 "8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq B"/7DPR]cC8ѦoIʔϑfw!e>wa]>_ E vP]CG#bUq|)"J'qvjɬU$[. _³YjƗjJκ_wbfZ1WG 0XXXR=@.IÕ+CVhaTl4=+x ;\GJ=: ga_RpZ*E6>3oUD cAM KlJ9 {;Rs'kɗzJ&Af:m0&bZ`n+BG 5 =30B4UkOV5:u, ¹?+^%oI&>y;3[iE 7Y IX d. (=)?Bjcll%AP 4y⬐!G"UFE#15 t Y'Pz]jvFkBG%n+ TL-J -F ^(T v"#,hASGCe kJg:^)}y,|NM

`CA+\B"Y7`%4lizaI8_kWRxhqm"ebXVU[Hgnqh,|vdM)]-2HU")\
N3*aEsadkirP o\ endstream endobj 156 0 obj > endobj 157 0 obj >stream x\K
9@9,? 4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj /t(p_i~{u~}
US}0WIa10 8v oWVjGd9` ;.ʒO^ =: yhue 8S6?QK K]
eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\% 2^ jm H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C
`O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E F[eO*IVQ /9Rue?P8MX]Ƶ^
63eZW6%wwu3mN̋h#Ɱ:i^} {[M U "~P+_e2Lg xxjL
!A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9 ^cYeg~NoQW_|(M.nQE Y,Q
Ɋ.O9EW8fn$+Bѭ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt :
!21b V# }25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F Z~;ъo @-tO-hVL i
8WWUMBcCϘɬBj;Nh6QY%ZcR+D|(~ d,+VÀ fa b!F258\J
,6Vh&vÅa;:.p*NŁe(\@ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn
u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ѓPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn
qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O
_E@xr!"}|^9LE$UJ v[T >&&ō#X7 wm~Ap:D?a endstream endobj 159 0 obj >
endobj 160 0 obj >stream x\I#_Adƶ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2
S)q_I~tu|?Vm[Mnq^fˈBOzO[8Ew>a B4Aj:\6HZ 3,*w%p Ƕ^Tn(j^
32Kg 2{Ò> WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$ꜰ3Ay]È
GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\ ] @q;Hh03Ka@4:C.x_!H@,Q`,V9Z
7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s !w,H2#(A ow g|9"l'on9Q"r\Kg7+OqrGPq=
{t8nkR IUS HIK@'j/M!wK7\@fGL4+ Q\ .""IvEs59$ V-p"E
hRXzVz0=l{IF;>R3 K%,9Ss"Bw0Ea 9,f&[ʙYG"GvDr1xw.x|d)0T!wWx'9`W
_İmS*ΠÏC4(FRc{H$7G(_Abz!!3F$*Ꮆ5 @UɏZ0xorK: ,r%C`M4zy Q RpLs!W
"Z =VY0pl+Y a :K7mvVOjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE
Bz9HXK^hXi#2] 9+s\\F)tc 5VÃO]0-aGZaH.Y"rYVTr@ 6%3J
'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P 8_HT `ЈЂq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h
3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb ~ da@zQ5u6
=DKQZn]XhcAC 2 XU42_Nyk 1Yc ~\U
VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v
C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qʁ6:1t e`dCMHjeyB{P{
/8DrƧTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE > endobj 163 0 obj >stream
x\K:%e\MĽŐU^02|GGo3 ,
K5\8ij?&sSc+k1rx:5.rOoYP/~eAK7eh.K2]^ /Cep:0sub/àv~:
xa|{?yu{ }k\,^_pp | :e,2$ Fx5 í~=;2qt\km IK] i1X #=*^ ë?e]
q'/z|o ||Lm_v7oDAƛ!aDMa `ud:A6x/` hMK qZJVyK\A3,8~
l#ᶜw0.b X;Y}R gR_=H#⊐2tl">+(9G)-&RwXBTIcU[E[
9RR'&gWjkl{q f aoÁ* >d gdcM'TFdS7i~k8a~s;UKvw &de-m)(2
aB8.T_8-mj4ȳDQ - qWŶM6$1Ty#>hs|n>L &pS+)C@"JW CxQ oM
G(.DŁ2D$;taUnzP=c|'22 8AA: (QàF> p8IwH JLʒ]I/*8q+
'WQqs/3PS0LaVCŕz}P"bo `c@V̈iO!RDp CZAbkC-I\Fr64ideHuHX-8#aW Es:ml
9C1~N3i,]iL-ɜ7'Ѝ(K,'9'c) # &\4E5r5d:YdlʜhX
{RYP6aBPQ9o2J HTxzKba(N^,ΣXN!hSeW|3 P:`yCBʸ2W2r1A1)V^

>" G2# \zMI`qó ?f̃=Ч !ÎRcnKdbgFL:5s Udₚ PLÈ+LX5!*DI
=DxUc/)lWAVKTtJEB!8eH`> B5oEf*-PB\P/baQ3 56qT>Mg-wO+
\e-B-Dgrp(Cl*/0ANLQ! ;BUa[H-L HI[-hjdBc #0\Z+L"t3y^- p
n/+30Vu?ϫZT^X(EO60!>Àm1rRVYM@ "j0_x h ^Qe Dp6|\e;!
ZǫO4e 0> _| { X_~5HQ2)R(|huUD C3vɐF]4iWt)6 MZj1P '}daF
.-ŧ)'e@2e!/jv7x 1,+u8\{x?Ff endstream endobj 165 0 obj > endobj 166 0 obj >stream
x\K_@{_p9m $JfCn mIV}! Cc˥RQf]wiUO?:;]E]~Z}d/Y1+_Uᵭ/T
uQG2ow_7(_oyZa͡6/z.~Y Ljsï +Fi[u-5{f{PV.Oo o;mH 03lG@7,t L mF
} d kxw R^]Y8cdw>Ïq;_ ;ow^yn t z aKVaV.) ⁑;ZW[tgRWhrE`#⊐tWWLq>*(
/Qju;&:Hzcj]("ol#35zxaVG9U@/ +)5z Yl~wy'. Bj1l,m!mX_!jG5 1 ⅃n
И?Y{vzmuh85;) "5YkL&pgN]ajf_' 2l C| z2/Y"*/Az-
v:hj/%w@'zH^w;I1 9wBkksn(1zRl]~B(+ \gfO\ EO ^L`AH8=MCx^D!
WEy]tlK;P!GB}ŬK BLA=æʎk;āxbL)q]S,AyduCPk,$l;!ryf*D2j 6ɜ' +"
č1.(\~=6+dU=tT >(j@wGuNc ?_N0H TJda7;~YY+M2]r q+ LY]/W\
f(i4&"˜"dsd8PjJc̓)>@x!Qm| lo\U?la>Y]mqVZ8 wHJYT jt({gc,>r`b@NSTM
$rB|R[ )qjy+-C U"bfP$A@L/IX*N.~ c1)76$o?9aP]
IG[eђ^KL1P>yOBJ>6KN${eC6e3) Q˳Pky zJU Ub}bkg+BwwGI
6m8:\UIœCalfg @&uOIG(ⷧ @;2z $=F68%b98uO&l4, > endobj 169 0 obj >stream
x\Ks)CL gŕ,#@KfpieL4k 4L4H8{()M~C0UYbdW|# vE
G*9wH*sxbL%0GN+óŕa g' R7"0P0.wag(f# 1#p’ %~a:.C$7/ RI ch
=EO^V?WY{'(=&0irck cfArL70^&SV̄ȍS ,D(``wcŤUm̰O;tt\Bbq)e{
`#nn`6$N!aS z˘-0AX?DD 0VCpu|y* J ooᵭq ~R%H :}H]y~ 0'`3 4d Kb
5:v|8d:pdaY'LKi Ea z3m} :rKR4$,eiVY@O >c# 7.ZL'}(Z=1:f+ 85~g
.AuT(*C5 a =aa endstream endobj 171 0 obj > endobj 172 0 obj >stream x\K s{-[~0(
n fqnd!hwaIMOEn s3XfTΘ , 8i/[}[ſ[LaRo ~Ncwv hx
'e%Xhof|~-Ꮋ L m y#T, d^G, cZpḢ?z}y̋78}n|#ugE}6?Aɜn ;¶ a :nd4!2
,*g`5fl1arcq\8 OAk"?82 cS+h+QQ7v 0^oinnŰGO6}xemk{/LwEH/O Phw
xFOJ 3==(’>1Fz&k5/hM" \l7>$Sq,bIQPOLpÏD Lh Y(2YΦCOC?Gba=
W1x3e˜vmƤ`etub33`""qpXEÛq)"up* TK+FZ_&) endobj 175 0 obj >stream 9o?~\
04^:{Ng\OoÞo\}prD_OXj/McN8]tíYZsO?nm3˛~lA 0uWT/
!^`Yah.MB_Y9v rk1; ^&X#h w S/ ] ~ p[n{=rUhGwB60 ||D˛/Utj"ᵸ`VT
}cΠ~fmK?|}0 aa[P$cghvd {_`"2z`VEq{Yp4]˛} FYM#8 "MT!꞉
c`bf:@ʟŬH8UYn .`kO[0;wqn!Zg'}~
6'@c{e~gcom}byqq9Lt6e(UlGI9St8|˥V=W8/z=n*o?
\7^,u?-^~t1(x^zƬ$=#Hsφ]0m C5">>ʹ_&Q[UI
XINpWˢ1}Q@hX2P lr :Pu$m}vr}#-p®GQ^8(@D
D3D1w!vwYRYx@*ZU:"I? 2cK Sz45t.aYjt + "T\
bD:R~Q_n\#\SeFHH;yp7D8l$&KpXR \}pb)XDh.YVjFAN&q6,XG`9D,8
FQQ@ =Tç1oD"QN*\B=$ƐΨM;K[R4d6)? 1]2i)I[Uo vwtm(] $xʕOhJⱥ
W8EjVngH Ac*cw,Mt´# Bu1\Rxg%'rb WmpC'Eid JN[`ş
Nxf%m`,_se~o+%* C?{|R@DoytB22RR)

O ^UB?P%džNrb\jXMLBwJ5F,C]G0>Rk S& ,:R;aZIFn?VI"MR+Rœ0]v}B >ĐD%WKmReƆ7'@0*G3 vb"9R7%S 78ĽY@2u ',1eTfB0U-i@UtX6g#6$1đXN l4^t 02I/ 6d YV$)FlvQ4 {44\7g#VHd=;Mj KX+8S+#G7SVH+g>RI;SRGR':.F^ęRm*jY6gj gr(}>*Y~3 V]bXH]]XaR&YY [iQ 6WBv.WI^RF]fĤ P2 NG4EC=e6qj,ω0]Tr8I/ q-jp>>SJr,?('O8Z>j,/} > endobj 178 0 obj >stream x]I9= `n4CS6``2dqJ DkgU4'Ħɵ }w>!; ~]ss{[;L qy ƙk*n,?~$ ğeH@z `VL$1uIV4 %xv ;>vDw%6z` 8X̆q_^ e.Vwp8vЙMT!ő: yŤůP@U,x'ɥ SXr =u68`p! Qj\8oILl5M-tj'>$J Brbj,3[ |QcEP<ɔ:AYF-er 0_`}Q6W EU

" e q\!`(n&-rr.^ R7LɵLEYM`P*ʁZWH2\ɐk<ŜC[b(!!1

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.